

Số: 08 /2010/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí
khuyến công trên địa bàn Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 9/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BCN ngày 23/6/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 9/6/2004 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 1057/SCT - QLCN ngày 23/12/2009; kèm theo ý kiến của các sở, ngành liên quan và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1156 /BC-STP ngày 10/12/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 85/2005/QĐUB-CN₂ ngày 24/10/2005 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- T.Tr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học;
- Các tổ chuyên viên VP/UB
- Lưu: VT, CN₂

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo quyết định số 8 /2010/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định nguồn hình thành, quản lý, sử dụng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các hoạt động khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghiệp nông thôn (gọi tắt là hoạt động khuyến công)

Điều 2. Mục tiêu của hoạt động khuyến công

Nhà nước tổ chức hoạt động khuyến công nhằm các mục tiêu sau:

1. Động viên và huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn và các dịch vụ khuyến công theo quy hoạch phát triển công nghiệp.

2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lao động xã hội.

3. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Điều 3. Nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước do UBND tỉnh cấp hàng năm;
- b) Nguồn tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia cho hoạt động khuyến công tỉnh theo chương trình đề án được Bộ Công Thương phê duyệt;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công phải thực hiện theo đúng quy chế này và các quy định tại Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ; Thông tư số 03/2005/TT-BCN ngày 23/6/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương); Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh và các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm:

- a) DN nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- b) HTX thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- c) Hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

2. Các tổ chức dịch vụ khuyến công gồm: Trung tâm Khuyến công; cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ; doanh nghiệp có hoạt động chuyển giao công nghệ; các Trung tâm xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 5. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

- 1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
- 2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ (nguyên liệu trong địa bàn tỉnh), sử dụng nhiều lao động;
- 3. Sản xuất sản phẩm mới (là sản phẩm được sản xuất lần đầu tại địa bàn huyện, thị xã, nơi cơ sở đầu tư sản xuất); hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
- 4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy nông nghiệp;
- 5. Sản xuất, gia công chi tiết bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
- 6. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề;
- 7. Xây dựng thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất dưới 10MW để cấp điện cho nông thôn, miền núi.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ kinh phí khuyến công

- 1. Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp, lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý sản xuất kinh doanh;
- 2. Hỗ trợ cho các cơ sở đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và bảo vệ môi trường;
- 3. Hỗ trợ tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, du nhập và phát triển nghề;
- 4. Hỗ trợ tìm kiếm thị trường; tổ chức và tham gia triển lãm, hội chợ, giới thiệu sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền;

5. Hỗ trợ tổ chức các hội thảo để trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát, liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề;

6. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học - công nghệ cho tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn;

7. Hỗ trợ lập quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật các cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề;

8. Chi hoạt động khuyến công như: xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm và từng giai đoạn; tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều kiện và thủ tục hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Điều kiện hỗ trợ: các đối tượng nêu tại Điều 4, có danh mục ngành nghề sản xuất kinh doanh như quy định tại Điều 5 và phù hợp nội dung tại Điều 6 của Quy chế này được xem xét, hỗ trợ kinh phí khuyến công khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- a) Có dự án (hoặc phương án) đầu tư phù hợp quy định của pháp luật;
- b) Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn thực hiện hoàn chỉnh dự án, hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện dự án;
- c) Dự án chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ từ Quỹ khuyến công (chủ dự án cam kết và có xác nhận của UBND cấp huyện);

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm có:

- a) Dự án (hoặc phương án) kèm theo tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công do chủ đầu tư lập;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực);
- c) Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công của UBND cấp huyện;
- d) Các văn bản liên quan đến từng nội dung hoạt động khuyến công theo hướng dẫn của Sở Công Thương.

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Lập và phân bổ dự toán:

a) UBND cấp huyện và các tổ chức dịch vụ khuyến công tổng hợp nhu cầu thực hiện đề án và dự án đề nghị hỗ trợ khuyến công của các tổ chức, cá nhân gửi Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 8 hàng năm;

b) Sở Công Thương tổng hợp và lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công của tỉnh, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 9 hàng năm để xem xét, tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

c) Sau khi có Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của UBND tỉnh; tổ chức, cá nhân được lựa chọn lập hồ sơ đề án (hoặc dự án) xin hỗ

trợ kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và thống nhất danh mục các đề án, dự án được đề xuất hỗ trợ từ Quỹ khuyến công; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

sử dụng kinh phí khuyến công;

d) Căn cứ danh mục các đề án, dự án sử dụng kinh phí khuyến công được UBND tỉnh phê duyệt; Sở Công Thương ra quyết định giao kinh phí khuyến công cho các tổ chức, cá nhân thực hiện.

2. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, các tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán tại kho bạc nhà nước nơi giao dịch;

b) Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

3. Quyết toán:

a) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công có trách nhiệm hạch toán và quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Sở Công Thương lập quyết toán năm, gửi Sở Tài chính thẩm định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định các đề án (hoặc dự án) sử dụng kinh phí khuyến công báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định; ban hành quyết định giao kinh phí khuyến công cho các tổ chức, cá nhân thực hiện (sau khi được UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án).

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ khuyến công, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả;

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Đề xuất, bố trí kinh phí khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định các đề án (hoặc dự án) sử dụng kinh phí khuyến công;

c) Kiểm tra quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xem xét, lựa chọn các đề án (hoặc dự án) trên địa bàn đủ điều kiện đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công, báo cáo Sở Công Thương;

b) Hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn lập hồ sơ, thủ tục xin hỗ trợ kinh phí khuyến công;

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công của các đề án (hoặc dự án) thuộc phạm vi quản lý;

d) Đối với các đề án (hoặc dự án) khuyến công được hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện: Phòng Công Thương (phòng Kinh tế) chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp Phòng Tài chính thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định và tổng hợp kết quả, báo cáo Sở Công Thương;

e) Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công

1. Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt và các điều khoản của hợp đồng đã ký kết, sử dụng kinh phí đúng mục đích có hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án.

3. Quyết toán kinh phí khuyến công đã sử dụng và thanh lý hợp đồng thực hiện đề án khuyến công theo quy định hiện hành.

4. Đảm bảo và chịu trách nhiệm toàn diện về mặt pháp lý, các số liệu của hồ sơ đề án, báo cáo kết quả thực hiện đề án và quyết toán kinh phí khuyến công.

5. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức tham gia quản lý hoạt động khuyến công; các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án được hỗ trợ từ Quỹ khuyến công có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế này cho phù hợp./. 



Võ Kim Cự